



SONADEZI
LONG THANH

ISO 9001:2008



BUREAU
VERITAS

TỔNG CÔNG TY SONADEZI

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Địa chỉ: KCN Long Thành
xã Tam An, huyện Long Thành
tỉnh Đồng Nai
Việt Nam

Điện thoại: 0613514494/496
Fax: 0613.514492/499
Email: longthanhiz@sonadezi.com.vn
Website: <http://www.sonadezi.com.vn>

BP. TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN

MST: 3600 649539

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II/2016

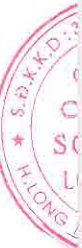
THÁNG 07/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 30 tháng 06 năm 2016.

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		635,293,638,461	535,854,969,163
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		108,220,159,132	255,260,735,655
1. Tiền	111	V.1	13,220,159,132	21,975,735,655
2. Các khoản tương đương tiền	112	V.1	95,000,000,000	233,285,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		362,457,000,000	150,000,000,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	362,457,000,000	150,000,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		73,930,577,738	42,309,686,771
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	41,761,786,305	19,640,466,167
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		31,090,845,064	19,505,705,755
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	4,878,260,376	6,963,828,856
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(3,800,314,007)	(3,800,314,007)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	85,302,257,890	82,908,190,956
1. Hàng tồn kho	141		85,302,257,890	82,908,190,956
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5,383,643,701	5,376,355,781
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	3,414,334,470	1,229,801,460
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1,969,309,231	2,744,917,333
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13		1,401,636,988
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)	200		771,705,840,769	750,893,980,140
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	7,588,000,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3	-	7,588,000,000
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		170,000,104,122	173,062,894,692



1	2	3	4	5
1. TSCĐ hữu hình	221	V.7	170,000,104,122	173,062,894,692
- Nguyên giá	222		412,299,942,461	402,181,074,139
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(242,299,838,339)	(229,118,179,447)
2. TSCĐ thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. TSCĐ vô hình	227	V.8	-	-
- Nguyên giá	228		700,039,229	700,039,229
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(700,039,229)	(700,039,229)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.9	191,325,184,077	157,237,636,066
- Nguyên giá	231		298,461,070,368	274,362,960,003
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(107,135,886,291)	(117,125,323,937)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.6	6,647,737,748	10,215,860,446
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		6,647,737,748	10,215,860,446
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	190,836,400,000	190,836,400,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		24,500,000,000	24,500,000,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		166,336,400,000	166,336,400,000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		212,896,414,822	211,953,188,936
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	212,896,414,822	211,953,188,936
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1,406,999,479,230	1,286,748,949,303

1	2	3	4	5
NGUỒN VỐN				
C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		932,092,967,154	857,587,235,560
I. Nợ ngắn hạn	310		91,013,594,209	99,220,413,985
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	14,301,115,767	10,888,181,787
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1,746,773,601	5,400,076,229
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	5,605,617,562	106,944,000
4. Phải trả người lao động	314		3,493,505,000	2,524,252,841
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	1,272,955,561	1,071,185,801
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16	25,356,012,680	25,083,893,481
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	27,582,254,185	30,832,996,301
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	1,600,000,000	3,150,000,000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		10,055,359,853	20,162,883,545
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		841,079,372,945	758,366,821,575
1. Phải trả người bán dài hạn	331			

006495
 CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 NADECO
 NG THÀNH
 ANH - T. ĐP

1	2	3	4	5
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		11,635,000,001	11,635,000,001
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.14	96,717,804,845	104,121,820,293
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.16	702,234,325,303	609,838,024,026
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15	25,692,242,796	27,971,977,255
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	4,800,000,000	4,800,000,000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học & công nghệ	343		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		474,906,512,076	429,161,713,743
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	474,906,512,076	429,161,713,743
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		200,000,000,000	200,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200,000,000,000	200,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4,000,619,235	4,000,619,235
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(22,812,874,949)	(22,812,874,949)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		83,628,298,299	83,628,298,299
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		210,090,469,491	164,345,671,158
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		160,276,852,543	155,473,997,899
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		49,813,616,948	8,871,673,259
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1,406,999,479,230	1,286,748,949,303

Người lập biểu

AS

Tiêu Thị Cẩm Anh

Kế toán trưởng

Phan Thùy Đoàn

Phan Thùy Đoàn

Lập, ngày 19 tháng 07 năm 2016. *Phạm Anh Tuấn*

Tổng giám đốc



Phạm Anh Tuấn



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
QUÝ II NĂM 2016**

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
				Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	94,861,222,925	51,358,713,479	146,968,892,959	92,823,046,993
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1,778,707,499	813,545,455	2,962,516,590	1,144,809,091
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		93,082,515,426	50,545,168,024	144,006,376,369	91,678,237,902
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	44,689,714,858	38,712,639,576	80,426,283,283	68,615,328,538
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		48,392,800,568	11,832,528,448	63,580,093,086	23,062,909,364
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	6,028,936,198	10,576,596,026	11,140,663,914	15,701,231,080
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	107,700,000	156,600,780	225,525,000	312,900,780
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		107,700,000	146,850,000	225,525,000	303,150,000
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.5	231,137,250	876,188,204	931,374,740	1,166,765,203
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	8,839,687,370	6,117,489,683	13,133,657,484	9,695,324,760
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		45,243,212,146	15,258,845,807	60,430,199,776	27,589,149,701
11.	Thu nhập khác	31	VI.7	73,589,000	90,558,182	74,589,000	397,921,809
12.	Chi phí khác	32		-	-	-	69,129,621
13.	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		73,589,000	90,558,182	74,589,000	328,792,188
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		45,316,801,146	15,349,403,989	60,504,788,776	27,917,941,889
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	8,307,343,075	1,675,024,675	10,691,171,828	3,580,140,965
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52				-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		37,009,458,071	13,674,379,314	49,813,616,948	24,337,800,924
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.17	1,668	601	2,245	1,070
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

Người lập biểu



Tiêu Thị Cẩm Anh

Kế toán trưởng



Phan Thùy Đoan

Lập, ngày 19 tháng 07 năm 2016.

Tổng giám đốc




Phạm Anh Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
QUÝ II NĂM 2016

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2016	Năm 2015
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		60,504,788,776	27,917,941,889
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		18,402,989,000	20,299,823,998
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(7,235,236)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(9,493,577,332)	(15,398,865,879)
- Chi phí lãi vay	06		225,525,000	303,150,000
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		69,632,490,208	33,122,050,008
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(21,267,736,877)	15,031,883,805
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2,394,066,934)	(617,376,870)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		120,749,044,733	33,490,730,730
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1,499,150,465	(2,097,654,738)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(204,525,000)	(282,150,000)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4,044,835,611)	(4,290,153,074)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		1,500,000	11,784,710,297
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2,993,568,000)	(11,993,396,786)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		160,977,452,984	74,148,643,372
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(75,425,398,018)	(43,208,920,631)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-



CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2016	Năm 2015
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(382,457,000,000)	(152,300,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ đơn vị khác	24		170,000,000,000	87,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10,492,353,275	11,679,388,879
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<i>(277,390,044,743)</i>	<i>(96,829,531,752)</i>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1,550,000,000)	(1,400,000,000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(29,085,220,000)	(980,000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(30,635,220,000)</i>	<i>(1,400,980,000)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(147,047,811,759)	(24,081,868,380)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		255,260,735,655	203,577,286,813
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		7,235,236	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		108,220,159,132	179,495,418,433

Người lập biểu

AS

Tiêu Thị Cẩm Anh

Kế toán trưởng

Phan Thùy Đoàn

Phan Thùy Đoàn

Lập ngày 19 tháng 07 năm 2016.

Tổng giám đốc



Phạm Anh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2016

cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC
QUÝ II NĂM 2016****I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.2. **Ngành nghề kinh doanh** :

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất: Dịch vụ môi giới bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản	6820
2.	Kho bãi và lưu giữ hàng hoá	5210
3.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
4.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề: Kinh doanh khu vui chơi giải trí	9321
5.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
6.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
7.	Tái chế phế liệu	3830
8.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
9.	Thu gom rác thải độc hại	3812
10.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: thiết kế kiến trúc công trình công nghiệp và dân dụng; thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; thiết kế xây dựng công trình kỹ thuật đô thị.	7110
11.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
12.	Xây dựng nhà các loại	4100
13.	Phá dỡ	4311
14.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
15.	Đại lý du lịch	7911
16.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
17.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan: Bán buôn xăng, dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng	4661
18.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
19.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
20.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
21.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
22.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
23.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
24.	Xây dựng công trình công ích	4220
25.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
26.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
27.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
28.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ	5510
29.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
30.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
31.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
32.	Điều hành tua du lịch	7912

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 là năm tài chính thứ mười ba của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc thiết bị	03 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 04
Tài sản cố định khác	04

6. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư được công bố tại thuyết minh số IV.5.

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm Chi phí trả trước kinh doanh đất và chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng.

11. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

12. Chi phí phải trả

Chi phí đầu tư cho Khu công nghiệp Long Thành trích trước tương ứng với phần doanh thu cho thuê đất đã ghi nhận các năm trước.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu quỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- **Cổ phiếu quỹ:** Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty & Nghị Quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

14. **Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

15. **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển. Thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. **Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2015 : 22.430 VND/USD
30/06/2016 : 22.275 VND/USD

17. **Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập**

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.6.

Doanh thu chuyển quyền sử dụng đất

Doanh thu chuyển quyền sử dụng đất của lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được ghi nhận khi đã hoàn thành cơ bản công tác xây dựng cơ sở hạ tầng và lô đất đã được bàn giao cho khách hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
Tiền mặt	51,319,584	25,225,698
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13,168,839,548	21,950,509,957
Các khoản tương đương tiền (*)	95,000,000,000	233,285,000,000
Cộng	<u>108,220,159,132</u>	<u>255,260,735,655</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn từ dưới 3 tháng

2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a1) Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	362,457,000,000	362,457,000,000	150,000,000,000	150,000,000,000
a2) Dài hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn				
Cộng	362,457,000,000	362,457,000,000	150,000,000,000	150,000,000,000

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết						
Công ty cổ phần Sonadezi An Bình	24,500,000,000	-	24,500,000,000	24,500,000,000	-	24,500,000,000
- Đầu tư vào đơn vị khác						
Công ty cổ phần dịch vụ Sonadezi	2,500,000,000	-	2,500,000,000	2,500,000,000	-	2,500,000,000
Công ty cổ phần Sonadezi Châu Đức	100,800,000,000	-	100,800,000,000	100,800,000,000	-	100,800,000,000
Công ty cổ phần Sonadezi Long Bình	63,036,400,000	-	63,036,400,000	63,036,400,000	-	63,036,400,000
Cộng	190,836,400,000	-	190,836,400,000	190,836,400,000	-	190,836,400,000

3. Phải thu khách hàng**a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu tiền thuê đất thô	88,472,734	88,472,734
Phải thu phí quản lý	2,270,269,964	1,166,193,600
Phải thu cho thuê nhà xưởng	20,727,977,983	1,402,243,939
Phải thu sử dụng nước	2,739,094,585	349,337,993
Phải thu kinh doanh xăng, dầu	675,674,222	-
Phải thu phí xử lý nước thải	554,005,097	242,802,481
← Phải thu kinh doanh nhà, đất nền	14,706,291,720	16,391,415,420
Cộng	41,761,786,305	19,640,466,167

b) Phải thu của khách hàng dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu kinh doanh nhà, đất nền		7,588,000,000
Cộng	-	7,588,000,000

Trong đó, phải thu của khách hàng là các bên liên quan:

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
Công ty CP Sonadezi An Bình	86,913,281	-
Công ty CP Công trình giao thông Đồng Nai	1,252,013	1,394,886
Cộng	88,165,294	1,394,886

4. Phải thu khác**a) Ngắn hạn**

	<u>Cuối kỳ</u>		<u>Đầu năm</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Lãi tiền gửi ngân hàng dư thu	3,781,897,000	-	3,193,988,000	-
Thuế TNDN tạm nộp 1% đối với hoạt động kinh doanh bất động sản	85,949,157	-	81,849,124	-
Phải thu khác	1,010,414,219	-	3,687,991,732	-
Cộng	4,878,260,376	-	6,963,828,856	-

Trong đó, phải thu khác các bên liên quan

	<u>Cuối kỳ</u>		<u>Đầu năm</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền lãi dự thu của Quỹ ĐTPT Đồng Nai	277,778,000	-	509,722,000	-
Cộng	277,778,000	-	509,722,000	-

5. Hàng tồn kho

	<u>Cuối kỳ</u>		<u>Đầu năm</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	155,470,000	-	155,470,000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	84,896,559,659	-	82,638,635,909	-
Hàng hóa	250,228,231	-	114,085,047	-
Cộng	85,302,257,890	-	82,908,190,956	-

6. Tài sản dở dang dài hạn**a) Xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
Hạng mục mua sắm tài sản cố định	12,423,455	-
Hạng mục xây dựng KCN Long Thành	268,185,573	7,992,088,332
Hạng mục xây dựng khu TĐC Tam An – Bò Sữa	92,640,058	92,640,058
Hạng mục xây dựng khu dân cư	126,363,636	401,962,244
Hạng mục xây dựng Nhà xưởng cho thuê	5,344,053,848	1,044,664,998
Hạng mục KCN Long Phước	151,246,642	31,680,278
Hạng mục Khu du lịch sinh thái Tam An	622,657,380	622,657,380
Hạng mục dự án 3ha An Phước	30,167,156	30,167,156
Cộng	6,647,737,748	10,215,860,446

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2016

cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	385,176,057,167	11,536,104,487	2,494,304,546	2,670,898,890	303,709,049	402,181,074,139
Tăng trong kỳ	10,118,868,322	-	-	-	-	10,118,868,322
Đầu tư XDCB hoàn thành	10,118,868,322					10,118,868,322
Giảm trong kỳ		-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	<u>395,294,925,489</u>	<u>11,536,104,487</u>	<u>2,494,304,546</u>	<u>2,670,898,890</u>	<u>303,709,049</u>	<u>412,299,942,461</u>
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	61,284,435,077	-	1,883,510,001	857,043,426	303,709,049	64,328,697,553
Giá trị hao mòn						
Số dư đầu năm	218,056,769,634	6,256,177,377	2,392,510,001	2,109,013,386	303,709,049	229,118,179,447
Khấu hao trong kỳ	12,416,112,892	585,490,000	50,900,000	129,156,000	-	13,181,658,892
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	<u>230,472,882,526</u>	<u>6,841,667,377</u>	<u>2,443,410,001</u>	<u>2,238,169,386</u>	<u>303,709,049</u>	<u>242,299,838,339</u>
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	<u>167,119,287,533</u>	<u>5,279,927,110</u>	<u>101,794,545</u>	<u>561,885,504</u>	-	<u>173,062,894,692</u>
Tại ngày cuối kỳ	<u>164,822,042,963</u>	<u>4,694,437,110</u>	<u>50,894,545</u>	<u>432,729,504</u>	-	<u>170,000,104,122</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2016

cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	700,039,229	700,039,229
Mua trong kỳ	-	-
Giảm khác		-
Số dư cuối năm	700,039,229	700,039,229
Giá trị hao mòn		
Số dư đầu năm	700,039,229	700,039,229
Khấu hao trong kỳ	-	-
Giảm khác		-
Số dư cuối năm	700,039,229	700,039,229
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	-	-
Tại ngày cuối kỳ	-	-

9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	<u>Bất động sản đầu tư cho thuê</u>
Nguyên giá	
Số đầu năm	274,362,960,003
Tăng trong kỳ	48,308,093,257
Giảm trong kỳ	(24,209,982,892)
Số cuối kỳ	298,461,070,368
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	117,125,323,937
Tăng trong kỳ	12,460,142,000
Giảm trong kỳ	(22,449,579,646)
Số cuối năm	107,135,886,291
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	157,237,636,066
Số cuối kỳ	191,325,184,077

10. Chi phí trả trước

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khoản mục	Cuối kỳ	Đầu năm
a) Ngắn hạn	3,414,334,470	1,229,801,460
Chi phí trả trước kinh doanh nhà	43,231,694	43,231,694
Chi phí trả trước kinh doanh đất	782,739,944	62,909,613
Chi phí quản lý VPCTy	16,740,636	275,081,453
Chi phí trả trước đền bù đất KCNLT	288,062,000	-
Chi phí trả trước kinh doanh nhà xưởng	72,098,734	-
Chi phí Trạm xăng dầu KCNLT	54,682,462	-
Tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Châu Đức	2,156,779,000	848,578,700
b) Dài hạn	212,896,414,822	211,953,188,936
Chi phí trả trước kinh doanh nhà	1,156,534,492	1,295,832,492
Chi phí trả trước kinh doanh đất	26,254,784,504	22,235,477,411
Chi phí quản lý VPCTy	392,976,702	734,181,793
Chi phí trả trước đền bù đất KCNLT	18,632,913,539	19,209,037,539
Chi phí trả trước kinh doanh nhà xưởng	2,724,390,164	2,742,629,406
Chi phí Trạm xăng dầu KCNLT	49,739,781	119,276,155
Tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Châu Đức	163,685,075,640	165,616,754,140
Cộng	216,310,749,292	213,182,990,396

11. Vay và nợ thuê tài chính

	Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
		trả nợ				trả nợ
a) Vay ngắn hạn	1,600,000,000	1,600,000,000	-	(750,000,000)	3,150,000,000	3,150,000,000
b) Vay dài hạn	4,800,000,000	4,800,000,000	-	-	4,800,000,000	4,800,000,000
Cộng	6,400,000,000	6,400,000,000	-	(750,000,000)	7,950,000,000	7,950,000,000

Đây là khoản vay của Quỹ Bảo Vệ Môi Trường Việt Nam theo hợp đồng vay số 01-13/TDĐT-QMT/LT ngày 31 tháng 5 năm 2013 với hạn mức là 14.000.000.000 đồng, thời hạn 60 tháng, khoản vay được đảm bảo bằng bảo lãnh của ngân hàng và chịu lãi suất cố định là 5,4%/năm trong suốt thời gian vay

12. Phải trả người bán

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Phải trả nhà cung cấp xây dựng công trình	13,825,813,052	13,825,813,052	10,780,927,787	10,780,927,787
Các nhà cung cấp khác	475,302,715	475,302,715	107,254,000	107,254,000
Cộng	14,301,115,767	14,301,115,767	10,888,181,787	10,888,181,787
Trong đó, phải trả người bán là các bên liên quan				
Công ty CP Sonadezi An Bình	1,343,601,000	1,343,601,000	-	-
Công ty CP dịch vụ Sonadezi	-	-	175,508,800	175,508,800
Công ty CP xây dựng Đồng Nai	958,203,000	958,203,000	-	-
Công ty CP Công trình giao thông Đồng Nai	5,208,241,610	5,208,241,610	1,410,825,162	1,410,825,162
Cộng	7,510,045,610	7,510,045,610	1,586,333,962	1,586,333,962

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải nộp trong kỳ		Số đã nộp trong kỳ	
	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ
a) Phải nộp				
Thuế GTGT hàng bán nội địa		8,047,793,335	(8,047,793,335)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(1,401,636,988)	10,695,271,861	(4,044,835,611)	5,248,799,262
Thuế thu nhập cá nhân	106,944,000	753,321,956	(503,447,656)	356,818,300
Tiền thuê đất, tiền sử dụng đất		787,796,169	(787,796,169)	-
Các loại thuế khác		5,000,000	(5,000,000)	-
Cộng	(1,294,692,988)	20,289,183,321	(13,388,872,771)	5,605,617,562
b) Phải thu				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2,744,917,333	8,823,401,437	(8,047,793,335)	1,969,309,231
Cộng	2,744,917,333	8,823,401,437	(8,047,793,335)	1,969,309,231

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

- Dịch vụ trong các doanh nghiệp chế xuất	0%
- Dịch vụ nước cấp	5%
- Dịch vụ cho thuê và các dịch vụ khác	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Đối với thu nhập từ đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp và các dịch vụ liên quan, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế trong 15 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh. Công ty được miễn thuế thu nhập

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo. Năm 2004 là năm đầu tiên Công ty kinh doanh có lãi.

Đối với hoạt động xử lý nước thải Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế trong 15 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh. Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm bắt đầu từ năm 2007.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

14. Chi phí phải trả

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
a) Ngắn hạn	1,272,955,561	1,071,185,801
Trích trước chi phí khác	1,272,955,561	1,071,185,801
b) Dài hạn	96,717,804,845	104,121,820,293
Trích tiền thuê đất KCN Long Thành	96,717,804,845	104,121,820,293
Cộng	97,990,760,406	105,193,006,094

15. Phải trả khác

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
a) Ngắn hạn	27,582,254,185	30,832,996,301
Kinh phí công đoàn	54,317,660	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	142,619,000	21,951,479,000
Chi phí đền bù đất còn phải trả	3,638,408,000	3,627,080,000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3,319,668,800	390,000,000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	20,427,240,725	4,864,437,301
b) Dài hạn	25,692,242,796	27,971,977,255
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	25,692,242,796	27,971,977,255
Cộng	53,274,496,981	58,804,973,556

16. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
a) Ngắn hạn	25,356,012,680	25,083,893,481
Doanh thu cho thuê đất	25,356,012,680	19,772,764,604
Doanh thu kinh doanh nhà, đất nền	-	5,311,128,877
b) Dài hạn	702,234,325,303	609,838,024,026
Doanh thu cho thuê đất	702,234,325,303	609,838,024,026
Cộng	727,590,337,983	634,921,917,507

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2016

cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

17. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	200,000,000,000	4,000,619,235	(22,812,874,949)	78,274,781,842	201,055,900,074	460,518,426,202
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	45,822,019,787	45,822,019,787
Trích lập quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	5,353,516,457	(5,353,516,457)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(24,090,824,057)	(24,090,824,057)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(29,105,440,000)	(29,105,440,000)
Tạm trích cổ tức	-	-	-	-	(21,829,080,000)	(21,829,080,000)
Trích bổ sung giá vốn tương ứng với phần doanh thu cho thuê đất ghi nhận một lần của các năm trước	-	-	-	-	(2,153,388,189)	(2,153,388,189)
Số dư cuối năm trước	200,000,000,000	4,000,619,235	(22,812,874,949)	83,628,298,299	164,345,671,158	429,161,713,743
Số dư đầu năm nay	200,000,000,000	4,000,619,235	(22,812,874,949)	83,628,298,299	164,345,671,158	429,161,713,743
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	49,813,616,948	49,813,616,948
Trích lập quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	3,207,541,385	3,207,541,385
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	(7,276,360,000)	(7,276,360,000)
Số dư cuối năm	200,000,000,000	4,000,619,235	(22,812,874,949)	83,628,298,299	210,090,469,491	474,906,512,076

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2016

cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Cuối kỳ	Đầu năm
Vốn góp của công ty mẹ	102,380,000,000	102,380,000,000
Vốn góp của các đối tượng khác	97,620,000,000	97,620,000,000
Cộng	200,000,000,000	200,000,000,000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Cuối kỳ	Đầu năm
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	200,000,000,000	200,000,000,000
- Cổ tức năm trước chi bằng tiền	29,085,220,000	29,062,036,000

d) Cổ phiếu	Cuối kỳ	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20,000,000	20,000,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20,000,000	20,000,000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(1,809,100)	(1,809,100)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18,190,900	18,190,900
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>18,190,900</i>	<i>18,190,900</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND	10.000 VND

e) Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Q2/2016	Q2/2015
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	37,009,458,071	13,674,379,314
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	30,347,755,618	10,939,503,451
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (*)	18,190,900	18,190,900
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,668	601

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Q2/2016	Q2/2015
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	18,190,900	18,190,900
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại		
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	18,190,900	18,190,900

18. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

	Cuối kỳ	Đầu năm
Ngoại tệ các loại (USD)	222,854.74	104,159.34

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Q2/2016	Q2/2015
Tổng doanh thu	94,861,222,925	51,358,713,479
Các khoản giảm trừ doanh thu	(1,778,707,499)	(813,545,455)
Doanh thu thuần	93,082,515,426	50,545,168,024
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu cho thuê đất, phí quản lý	14,912,206,554	12,066,419,179
- Doanh thu kinh doanh nhà, đất	345,206,226	2,624,018,999
- Doanh thu kinh doanh nước	17,006,602,405	15,707,551,000
- Doanh thu kinh doanh xử lý nước thải	9,772,020,727	8,553,497,490
- Doanh thu bán nhà xưởng	34,000,000,000	-
- Doanh thu cho thuê nhà xưởng	12,429,057,960	11,572,681,356
- Doanh thu kinh doanh trạm xăng dầu	4,596,421,554	-
- Doanh thu khác	21,000,000	21,000,000

2. Giá vốn hàng bán

	Q2/2016	Q2/2015
Giá vốn cho thuê đất, phí quản lý	6,134,649,765	5,687,932,895
Giá vốn kinh doanh nhà, đất	632,448,275	1,269,297,943
Giá vốn kinh doanh nước	15,219,469,500	13,153,284,000
Giá vốn kinh doanh xử lý nước thải	8,187,524,286	7,384,144,376
Giá vốn bán nhà xưởng	1,586,684,943	-
Giá vốn cho thuê nhà xưởng	6,789,948,780	7,825,460,540
Giá vốn dự án Châu Đức	1,619,939,401	3,239,878,802
Giá vốn kinh doanh xăng dầu	4,514,897,195	148,946,520
Giá vốn khác	4,152,713	3,694,500
Cộng	44,689,714,858	38,712,639,576

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Q2/2016	Q2/2015
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	69,160,662	85,088,140
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	5,848,215,806	4,328,166,325
Lãi chênh lệch tỷ giá	7,235,236	29,724,699
Chiết khấu thanh toán	104,324,494	103,066,260
Cổ tức	-	6,090,000,000
Cộng	6,028,936,198	10,576,596,026

4. Chi phí tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Q2/2016</u>	<u>Q2/2015</u>
Lãi tiền vay	107,700,000	146,850,000
Chiết khấu thanh toán	-	9,750,780
Cộng	107,700,000	156,600,780

5. Chi phí bán hàng

	<u>Q2/2016</u>	<u>Q2/2015</u>
Chi phí bán hàng kinh doanh đất	35,294,545	204,672,000
Chi phí bán hàng kinh doanh nhà	33,165,614	230,757,385
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	162,677,091	440,758,819
Cộng	231,137,250	876,188,204

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Q2/2016</u>	<u>Q2/2015</u>
Chi phí nhân viên quản lý	6,974,227,635	4,409,106,215
Chi phí vật liệu quản lý	283,063,407	252,171,919
Chi phí đồ dùng văn phòng	68,917,000	84,149,100
Chi phí khấu hao tài sản cố định	141,550,000	129,574,013
Chi phí thuế, phí, lệ phí	-	1,035,000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	372,059,103	423,169,632
Chi phí khác	999,870,135	818,283,804
Cộng	8,839,687,280	6,117,489,683

7. Thu nhập khác

	<u>Q2/2016</u>	<u>Q2/2015</u>
Thu vi phạm hợp đồng	73,589,000	88,740,000
Tiền thu bán hồ sơ mời thầu	-	1,818,182
Cộng	73,589,000	90,558,182

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60,504,788,776	27,917,941,889
Các khoản điều chỉnh tăng giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(6,464,989,000)
Thu nhập chịu thuế	60,504,788,776	21,452,952,889
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	12,100,957,755	4,719,649,636
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(1,409,785,927)	(1,139,508,671)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	10,691,171,828	3,580,140,965
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận doanh thu trong kỳ	13,244,479	8,281,582
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản đã ghi nhận doanh thu trong kỳ	(9,144,446)	(29,470,361)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	10,695,271,861	3,558,952,186

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan****Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc. Thu nhập trong kỳ của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập của Hội đồng quản trị	985,000,000	1,018,000,000
Thu nhập của Tổng Giám đốc	291,408,000	359,291,000
Thu nhập của các thành viên chủ chốt khác	596,359,000	639,873,000
Cộng	1,872,767,000	2,017,164,000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty phát triển Khu công nghiệp	Công ty mẹ
Quỹ đầu tư phát triển Đồng Nai	Cổ đông sáng lập góp 5,66% vốn điều lệ
Công ty cổ phần Sonadezi An Bình	Công ty liên kết với Công ty
Công ty cổ phần Sonadezi Châu Đức	Công ty liên kết với Tổng Công ty phát triển Khu công nghiệp
Công ty cổ phần dịch vụ Sonadezi	Công ty liên kết với Tổng Công ty cổ phần phát triển Khu công nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	
Công ty cổ phần xây dựng Đồng Nai	Công ty liên kết với Tổng Công ty cổ phần phát triển Khu công nghiệp	
Trường cao đẳng công nghệ và quản trị Sonadezi	Công ty liên kết với Tổng Công ty cổ phần phát triển Khu công nghiệp	
Công ty cổ phần bến xe và dịch vụ vận tải Đồng Nai	Công ty liên kết với Tổng Công ty cổ phần phát triển Khu công nghiệp	
Công ty cổ phần Sonadezi Long Bình	Công ty con của Tổng Công ty cổ phần phát triển Khu công nghiệp	
Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai	Công ty con của Tổng Công ty cổ phần phát triển Khu công nghiệp	
Công ty cổ phần cảng Đồng Nai	Công ty con của Tổng Công ty cổ phần phát triển Khu công nghiệp	
Công ty cổ phần công trình giao thông Đồng Nai	Công ty con của Tổng Công ty cổ phần phát triển Khu công nghiệp	
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và vật liệu Đồng Nai	Công ty con của Tổng Công ty cổ phần phát triển Khu công nghiệp	
Công ty cổ phần phát triển đô thị công nghiệp số 2	Công ty con của Tổng Công ty cổ phần phát triển Khu công nghiệp	
Công ty cổ phần kinh doanh nhà Đồng Nai	Công ty con của Tổng Công ty cổ phần phát triển Khu công nghiệp	
Công ty cổ phần Khu công nghiệp Định Quán	Công ty con của Tổng Công ty cổ phần phát triển Khu công nghiệp	
Công ty cổ phần Môi trường Sonadezi	Công ty con của Tổng Công ty cổ phần phát triển Khu công nghiệp	
Công ty TNHH MTV dịch vụ bảo vệ Sonadezi	Công ty con của Công ty cổ phần dịch vụ Sonadezi.	
Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty phát triển Khu công nghiệp		
Chia cổ tức	16.380.800.000	16.380.800.000
Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai		
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.247.222.000	1.275.277.000
Chia cổ tức	1.811.520.000	1.811.520.000
Công ty cổ phần Sonadezi An Bình		
Phải thu cung cấp dịch vụ	980.451.649	322.917.949
Phải trả tiền xây dựng	14.771.239.434	12.100.809.673
Công ty cổ phần Sonadezi Châu Đức		
Phải trả tiền thuê đất	2.878.040.662	2.878.040.662
Công ty cổ phần dịch vụ Sonadezi		
Phải thu cung cấp dịch vụ	105.059.350	72.293.025
Phải thu chiết khấu thanh toán	214.277.403	302.276.289
Phải trả thuê XLNT	15.772.314.221	14.062.938.850

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phải trả khác	106.254.500	128.490.000
Nhận cổ tức được chia	-	374.989.000
<i>Công ty cổ phần xây dựng Đồng Nai</i>		
Phải thu cung cấp dịch vụ	20.666.429	34.584.108
Phải trả tiền xây dựng	9.385.371.049	9.778.697.876
<i>Công ty cổ phần công trình giao thông ĐN</i>		
Phải thu cung cấp dịch vụ	5.167.845	-
Phải trả tiền xây dựng	6.487.416.448	-
<i>Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai</i>		
Phải trả tiền nước cấp	28.646.447.550	25.622.789.850
<i>Công ty cổ phần môi trường Sonadezi</i>		
Phải trả tiền vận chuyển và xử lý rác DVS	18.238.000	19.272.000

Tại ngày 30/06/2016, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Cuối kỳ	Đầu năm	
Quy Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai			
Gửi tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	50,000,000,000	50,000,000,000	
Lãi tiền gửi dự thu	277,778,000	509,722,000	
Công ty cổ phần Sonadezi An Bình			
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	86,913,281	-	
Công ty cổ phần dịch vụ Sonadezi			
Ứng trước tiền xử lý nước thải	(18,340,000,000)	(9,648,994,306)	
Ứng trước khác	-	274,247,558	
Công ty cổ phần công trình giao thông Đồng Nai			
Phải thu cung cấp dịch vụ	1.252.013	1,394,886	
Công nợ phải thu	32,024,691,281	41,136,370,138	
Công ty cổ phần Sonadezi An Bình			
Phải trả tiền xây dựng	1,343,601,000	(3,036,683,000)	
Công ty cổ phần dịch vụ Sonadezi			
Phải trả tiền tư vấn giám sát	(80,000,000)	175,508,800	
Phải trả tiền xử lý nước thải	1,340,941,516	-	
Phải trả tiền cung cấp dịch vụ khác	7,150,000	-	
Công ty cổ phần xây dựng Đồng Nai			
Phải trả tiền xây dựng	958,203,000	(1,829,610,900)	
Công ty cổ phần công trình Giao thông ĐN			
Phải trả tiền xây dựng	5,208,241,610	1,410,825,162	
Công nợ phải trả	8,778,137,126	(3,279,959,938)	
2. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty:			
Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Quý 2 2016	Quý 2 2015
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	45.15	41.04
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	54.85	58.96
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	66.25	65.53
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	33.75	34.47

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Quý 2 2016	Quý 2 2015
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1.51	1.53
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	6.98	5.02
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	5.17	3.77
Tỷ suất sinh lời			
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	42.02	30.45
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	34.59	26.55
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	4.30	2.17
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	3.54	1.89
<i>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu</i>	%	10.49	5.48

Long Thành, ngày 19 tháng 07 năm 2016



TIỀU THỊ CẨM ANH
Người lập biểu





PHAN THỦY ĐOAN
Kế toán trưởng

PHẠM ANH TUẤN
Tổng Giám đốc